

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 27-5-2024

V/v Tranh chấp về Hôn nhân và gia
đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hoàn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Tiến Thán;

2. Bà Nguyễn Thị Thêu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Đỗ
Thị Thái - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình
xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 123/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10
năm 2023 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử
số 54/2024/QĐXX-ST ngày 10 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị T**, sinh năm 1988.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ hiện nay: Số E, ngách B, ngõ H, đường P, quận P, thành phố Đ, Đài
Loan.

Số căn cước công dân 034188018630 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về
trật tự xã hội cấp ngày 05/10/2023.

Số hộ chiếu C4712909 do Cục Q cấp ngày 22/3/2018.

Bị đơn: Anh **Vũ Thanh P**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình.

Số căn cước công dân 034088015138 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về
trật tự xã hội cấp ngày 14/01/2022.

(Chị T, anh P vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***/ Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:** Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/10/2023, Bản tự khai, Nguyên đơn - chị Phạm Thị T yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân với anh Vũ Thanh P và trình bày như sau:

Chị và anh Vũ Thanh P tự tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình ngày 15/3/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 01 con chung. Đến năm 2009, vợ chồng bắt đầu phát sinh những mâu thuẫn nhỏ, một phần do chị nghi ngờ anh P không chung thủy, một phần do anh P làm ăn thua lỗ. Do phải kiếm tiền trả nợ nên năm 2010 chị đi xuất khẩu lao động ở Malaysia, anh P đi xuất khẩu lao động ở Cộng hòa liên bang Nga. Năm 2012, chị và anh P đều trở về Việt Nam. Thời gian này chị và anh P đều có mong muốn được hòa giải đoàn tụ nhưng khi chị và anh P về nước thì không tìm được biện pháp hóa giải mâu thuẫn để đoàn tụ vợ chồng, anh P không có ý định về cùng một nơi để làm ăn mà muốn cứ về Việt Nam trông con còn vợ chồng sẽ không ở cùng nhau, mỗi người một nơi, chị đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh P không nghe, cứ làm việc nay đây mai đó không cố định. Đầu năm 2013, chị tiếp tục đi Malaysia lao động, còn anh P lên Lào Cai để làm ăn. Thời gian này anh P gây sức ép về tiền bạc, muốn chị gửi tiền cho anh để anh đầu tư mua xe, mua máy xúc, chị không đồng ý nên anh P khó chịu và muốn chị ly hôn. Năm 2019, chị lại đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Thời gian từ năm 2010 đến nay, chị và anh P sống ly thân, anh P không quan tâm đến chị và con, mỗi người sống một nơi. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh P.

Về con chung: Chị và anh P có 01 con chung là Vũ Quang L, sinh ngày 17/11/2008, hiện đang do bố mẹ đẻ chị nuôi dưỡng. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con, chị không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Trong thời gian chị ở nước ngoài, chị ủy quyền cho bố đẻ chị là ông Phạm Quang V, sinh năm 1957, địa chỉ: thôn H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình thay chị chăm sóc con L.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh P không có tài sản chung, không vay nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị phải quay trở lại Đài Loan làm việc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt chị.

*** Tại Bản tự khai và Biên bản lấy lời khai, Bị đơn – anh Vũ Thanh P trình bày như sau:**

Anh và chị Phạm Thị T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình vào ngày 15/3/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 01 con chung là cháu Vũ Quang L sinh ngày 17/11/2008. Đến năm 2009, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do

chị T nghi ngờ anh có người phụ nữ khác. Năm 2010 anh đi xuất khẩu lao động ở C Nga, chị T đi xuất khẩu lao động ở Malaysia. Năm 2012, hai vợ chồng cùng trở về Việt Nam. Thời điểm này vợ chồng anh đều có mong muốn hòa giải đoàn tụ nhưng vì kinh tế gia đình còn khó khăn nên anh lại quyết định đi làm xa. Đến năm 2013, chị P lại đi nước ngoài lao động cho đến nay. Vợ chồng sống xa nhau nên tình cảm dần xa cách. Khi chị T khởi kiện xin ly hôn, anh cũng đã nói với chị T mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái, bố mẹ anh cũng đã nhiều lần nói chuyện với chị T nhưng chị T vẫn kiên quyết đòi ly hôn. Anh xác định vợ chồng không thể đoàn tụ, chị T xin ly hôn, anh nhất trí.

Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung là Vũ Quang L, sinh ngày 17/11/2008, hiện nay cháu đang ở với ông bà ngoại. Ly hôn, anh nhất trí với yêu cầu của chị T về việc giao con chung cho chị T nuôi dưỡng, anh không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Vì chị T còn đang ở nước ngoài nên chị T ủy quyền cho bố đẻ chị là ông Phạm Quang V chăm sóc con L, anh đồng ý.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị T không có tài sản chung, không có nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh đã được bố mẹ anh là ông L1, bà S gửi cho anh các văn bản của Tòa án về việc giải quyết việc ly hôn giữa anh và chị T gồm Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Do anh đi làm lái xe, thường xuyên phải vắng nhà và di chuyển nên không thể cung cấp địa chỉ cụ thể hiện nay cho Tòa án được, anh cũng không thể tham gia tố tụng tại Tòa án nên anh đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh trong phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa giải quyết vụ án ly hôn giữa anh và chị T.

***Ông Phạm Quang V, sinh năm 1957, nơi cư trú: thôn H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình là bố đẻ của Nguyễn đơn – chị Phạm Thị T trình bày:**

Chị T và anh P có 01 con chung là Vũ Quang L, sinh ngày 17/11/2008. Từ khi chị T, anh P đi nước ngoài đến nay, cháu L đều do vợ chồng ông chăm sóc, nuôi dưỡng, chị T là người gửi tiền về để ông bà chi tiêu phục vụ cho sinh hoạt, học tập của con, không phải là anh P. Vì vậy nếu Tòa án giải quyết cho chị T, anh P ly hôn, đề nghị Tòa án giao cho chị T quyền nuôi dưỡng con chung. Trong thời gian chị T đi nước ngoài, ông sẽ có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L. Mọi chi phí nuôi dưỡng, chăm sóc cháu L ông và chị T sẽ tự thỏa thuận. Chị T ủy quyền cho ông nhận các giấy tờ của Tòa án, ông đồng ý.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý đến khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định

của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, Bị đơn đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Phạm Thị Thanh ly hôn anh Vũ Thanh P. Về quan hệ con chung: Đề nghị áp dụng Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, xử giao con chung Vũ Quang L, sinh ngày 17/11/2008 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Chấp nhận việc ông Phạm Quang V thay chị T chăm sóc cháu L trong thời gian chị T ở nước ngoài. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết. Chị T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Sau khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án chị Phạm Thị Thanh x ly hôn anh Vũ Thanh P theo thủ tục chung, chị T đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của Nguyên đơn như cung cấp Bản tự khai, cung cấp các chứng cứ chứng minh và có đơn đề nghị Toà án không hòa giải, đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn – anh Vũ Thanh P đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án, anh P đã trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T cho Tòa án. Chị T, anh P đều đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân của chị Phạm Thị T và anh Vũ Thanh P được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị đã có thời gian chung sống vui vẻ, hạnh phúc và có 01 con chung, đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do chị T nghi ngờ lòng chung thủy của anh, hơn nữa vợ chồng lại thường xuyên sống cách xa nhau, khác nhau về quan điểm sống vì chị thì muốn vợ chồng gần nhau nuôi dạy con chung, anh lại muốn tiếp tục đi làm có thêm thu nhập nên tình cảm ngày càng lạnh nhạt. Trước mong muốn ly hôn của chị T, anh P và gia đình đã nói chuyện với chị T nhưng tình cảm vợ chồng không hàn gắn được. Thời gian anh chị sống ly thân đã khá dài. Cần xác định mâu thuẫn của vợ chồng đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của chị T, xử cho chị T ly hôn anh P là phù hợp pháp luật.

[2.2] Về quan hệ con chung: Anh chị có 01 con chung là Vũ Quang L, sinh ngày 17/11/2008 đang sống cùng bố mẹ đẻ chị T. Chị T đề nghị Tòa án giao con L cho chị nuôi dưỡng, chị không đề nghị anh P cấp dưỡng nuôi con chung, trong thời gian chị T ở nước ngoài, chị ủy quyền cho bố đẻ chị là ông Phạm Quang V, sinh năm 1957, nơi cư trú: thôn H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình thay chị chăm sóc con L, anh P nhất trí. Hội đồng xét xử nhận thấy thực tế hiện nay cháu L đang học tại Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên huyện Đ, trong suốt thời gian anh P, chị T đi làm ăn, cháu sống cùng với bố mẹ đẻ chị T. Quan điểm của ông V đồng ý chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L giúp chị T trong thời gian chị T đi lao động nước ngoài, phù hợp với nguyện vọng của cháu L muốn được ở với mẹ và ông bà ngoại, được anh P hoàn toàn nhất trí. Để đảm bảo ổn định cuộc sống và quyền lợi mọi mặt của con chung, cần giao cháu L cho chị T nuôi dưỡng, chấp nhận việc chị T ủy quyền cho bố đẻ là ông V chăm sóc nuôi dưỡng cháu L trong thời gian chị T lao động ở nước ngoài. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết do chị T không yêu cầu. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, tiền cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

[2.3] Về tài sản chung: Chị T, anh P trình bày không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.4] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; 273; 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Vũ Thanh P.

[2] Về quan hệ con chung: Xử giao con Vũ Quang L, sinh ngày 17/11/2008 cho chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận việc chị T ủy quyền cho bố đẻ là ông Phạm Quang V, sinh năm 1957, địa chỉ: thôn H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình chăm sóc, nuôi dưỡng con Vũ Quang L trong thời gian chị đi nước ngoài.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết.

Anh P có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Chị T, anh P có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, tiền cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

[3] Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0000022 ngày 25 tháng 10 năm 2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án; anh P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Hành chính tư pháp./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Hoàn